

Số: 51/TTYT

Bà Rịa, ngày 25 tháng 9 năm 2025



QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Bảng giá thu phí cấp cứu ngoại viện của Trạm cấp cứu
115 tạo Trung tâm Y tế khu vực Bà Rịa

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC BÀU BÀNG

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QHH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 978/TTCC115 ngày 10/9/2025 về việc cho phép thành lập Trạm cấp cứu vệ tinh 115 - Trung tâm Y tế khu vực Bà Rịa;

Căn cứ Công văn số 4255/SYT-NVY ngày 24/9/2025 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận triển khai trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại Trung tâm Y tế khu vực Bà Rịa;

Căn cứ Quyết định số 5745/QĐ-SYT của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 10 năm 2016 về việc phê duyệt bảng giá thu phí cấp cứu ngoại viện của Trung tâm cấp cứu 115;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Trung tâm;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán tại tờ trình của Phòng Tài chính – Kế toán ngày 24/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay Trung tâm Y tế khu vực Bà Rịa áp dụng “Bảng giá thu phí cấp cứu ngoại viện của Trạm cấp cứu 115” như phụ lục chi tiết kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tài chính - Kế toán và các khoa, phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Mai Thị Kim Dung

SỞ Y TẾ TP.HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC BÀU BÀNG



BẢNG GIÁ THU PHÍ CẤP CỨU NGOẠI VIỆN 115

(Ban hành theo Quyết định số 51 /TTYT ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Trung tâm Y tế khu vực Bàu Bàng)

ĐVT: đồng

STT	CÁC LOẠI DỊCH VỤ	ĐVT	GIÁ THU
1	Cấp cứu ngừng tuần hoàn	Lần	458.000
2	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	Lần	203.000
3	Thở máy dưới 6 giờ	Lần	200.000
4	Thở máy từ 6 giờ đến dưới 12 giờ	Lần	350.000
5	Thở máy từ 12 giờ trở lên	Lần	600.000
6	Thở oxy sonde mũi	Lần	50.000
7	Thở Oxy Mask	Lần	100.000
8	Đặt nội khí quản	Lần	555.000
9	Chuyển nhịp bằng thuốc hiệu quả	Lần	Thực chi
10	Sốc phá rung nhĩ, cơn nhịp tim nhanh	Lần	200.000
11	Sốc điện cấp cứu có kết quả	Lần	200.000
12	Hút đàm nhớt	Lần	50.000
13	Theo dõi monitor	Lần	50.000
14	Đo SPO2 – mạch	Lần	20.000
15	Bơm tiêm điện	Lần	200.000
16	Thông tiểu (Chưa bao gồm tiền túi nước tiểu)	Lần	100.000
17	Rửa dạ dày	Lần	773.500
18	Điện tâm đồ	Lần	45.900
19	Đo đường huyết	Lần	30.000

20	Tiêm bắp	Lần	20.000
21	Tiêm dưới da	Lần	20.000
22	Tiêm tĩnh mạch	Lần	30.000
23	Truyền tĩnh mạch	Lần	30.000
24	Đặt ống thông dạ dày (có túi nuôi ăn)	Lần	100.000
25	Đỡ đẻ ngôi ngược	Lần	927.000
26	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	Lần	675.000
27	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	Lần	1.114.000
28	Khâu vết thương phần mềm nông dưới 5cm	Lần	200.000
29	Khâu vết thương phần mềm nông từ 5cm trở lên	Lần	300.000
30	Khâu vết thương phần mềm sâu dưới 5cm	Lần	300.000
31	Khâu vết thương phần mềm sâu từ 5cm trở lên	Lần	400.000
32	Cắt chỉ	Lần	50.000
33	Cố định gãy xương sườn	Lần	Thực chi
34	Công khám cấp cứu và điều trị tại nhà	Lần	150.000
35	Giá vận chuyển xe cấp cứu, chuyển viện và đưa đón bệnh nhân theo yêu cầu (Tính số km thực tế theo đồng hồ xe)	Lần	20.000đ/km

Ghi chú: Biểu này áp dụng cho tất cả các đối tượng người bệnh, kể cả bệnh nhân có BHYT.